



MACRO VIEW

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 02.2026

SỐ 2.2026

MỤC LỤC

Kinh tế thế giới.....	4
Kinh tế Việt Nam.....	5

Ấn phẩm dành riêng cho khách hàng BIDV Private Banking

NỘI DUNG

Kinh tế thế giới tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2026 ghi nhận một số kết quả tích cực song chưa thực sự vững chắc khi nhiều yếu tố tiêu cực xuất hiện khó lường; đặc biệt là biến động thuế quan Mỹ và địa chính trị khu vực Trung Đông, Mỹ Latinh, Ukraina...v.v từ đó, đe dọa sự ổn định của các hoạt động kinh tế, thương mại quốc tế, đầu tư và các thị trường năng lượng, tài chính quốc tế. Bốn (4) rủi ro, thách thức từ bên ngoài vẫn hiện hữu, khó lường trong năm 2026: (i) rủi ro địa chính trị và căng thẳng thương mại - công nghệ; (ii) tăng trưởng chậm lại tại nhiều nền kinh tế lớn; (iii) lạm phát và lãi suất toàn cầu dù giảm nhưng còn ở mức cao và duy trì lâu, rủi ro nợ công và nợ tư; và (iv) các rủi ro an ninh phi truyền thống như an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh dữ liệu, thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều bất định, kinh tế Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2026 **ghi nhận nhiều điểm sáng**: các động lực phía cung và phía cầu tăng trưởng khả quan; tín dụng, thu ngân sách tăng tích cực cùng với nhiều dấu hiệu khởi sắc của doanh nghiệp; đầu tư công được thúc đẩy, đặc biệt các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia; hoạt động đối ngoại được tăng cường, nhiều tổ chức quốc tế dự báo lạc quan về triển vọng tăng trưởng, phát triển kinh tế Việt Nam trong năm 2026.

Tuy nhiên, rủi ro kép thuế quan và chiến sự Iran làm tăng rủi ro giảm tốc tăng trưởng, gia tăng áp lực lạm phát, thị trường tài chính biến động mạnh hơn. Hàm ý điều hành với Việt Nam là vừa giảm độ nhạy của các động lực ngoại xuất khẩu, đầu tư FDI, chủ động quản trị rủi ro giá năng lượng, tỷ giá, lãi suất, phối hợp hiệu quả chính sách tiền tệ-tài khóa linh hoạt để giữ ổn định vĩ mô, thích ứng với tình hình mới đồng thời đảm bảo nguồn lực và động lực tăng trưởng cao.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu KTVM 2 tháng năm 2023-2026, dự báo 2026

Các chỉ tiêu	2T/2023	2T/2024	2T/2025	2T/2026	DB 2026 (KB cơ sở)	DB 2026 (KB rủi ro)
Tăng trưởng GDP (% , yoy)	3,46 (Q1)	5,98 (Q1)	6,93 (Q1)	7,5 - 8 (Q1e)	9-10	8-8,5
CPI bình quân (% , yoy)	4,6	3,67	3,27	2,94	3,8-4	4,2-4,5
Chỉ số SXCN - IIP (% , yoy)	-6,32	5,74	7,24	10,36	12-15	
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	994,2 (+13%)	1.031,5 (+8,1%)	1.137,5 (+9,4%)	1.236,6 (+7,9%)	7.700 - 7.850 (+10→12%)	
Xuất khẩu (tỷ USD)	49,64 (-9,0%)	59,2 (+19,3%)	64,27 (+8,4%)	76,36 (+18,3%)	535-548 (+12→14%)	510-518 (+8→10%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	46,2 (-16,2%)	54,2 (+17,3%)	62,8 (-2,6%)	79,34 (+26,3%)	515-528 (+13→16%)	500 - 510 (+11→13%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	3,44	5,0	1,47	-2,98	8-10	0-8
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	3,1 (-38%)	4,29 (+38,6%)	6,9 (+35,5%)	6,0 (-12,6%)	41-43 (+7→10%)	38-40 (+0→5%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	2,55 (-4,9%)	2,8 (+9,8%)	2,95 (+5,4%)	3,21 (+8,8%)	30 -31 (+8→12%)	27-29 (+0→5%)
Tăng trưởng tín dụng (%)	0,85	-0,75	0,76	1,4 (26/2)	15-16	
Biến động tỷ giá (USD/VND so đầu năm, %)	0,67	1,56	0,28	-0,9	1,5-2,5	2-3
Số DN thành lập mới	19,68 (-2,98%)	22,82 (+12,4%)	20,8 (-8,9%)	35,5 (+70,7%)	226 (+16%)	
Số DN quay trở lại hoạt động	18,2 (-18,6%)	18,97 (+4,3%)	29,1 (+53,2%)	29,0 (-0,2%)	143 (+40%)	
Số DN tạm ngừng hoạt động	38,7 (+18,5%)	49,3 (+27,1%)	56,9 (+15,5%)	58,5 (+2,8%)	126 (+10%)	
Số DN hoàn tất giải thể	3,2 (-1,6%)	3,6 (+14,5%)	3,9 (+10,3%)	7,9 (+110%)	41,2 (+15%)	

Đơn vị: Nghìn doanh nghiệp; Nguồn: Cục Thống kê, dự báo của Viện Nghiên cứu Kinh tế BIDV.

KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế thế giới 2 tháng đầu năm 2026 ghi nhận một số kết quả tích cực nhưng thiếu vững chắc. Chính sách thuế quan của Mỹ thể hiện sự bất định: sau khi Tòa án Tối cao Mỹ bác bỏ hiệu lực của các sắc thuế theo Đạo luật Quyền lực Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA), bao gồm thuế đối ứng, chính quyền Trump đã áp mức thuế nhập khẩu 10% theo Đạo luật Thương mại và dự kiến sẽ tăng lên 15%. Trong khi đó, chiến sự tại Trung Đông và nguy cơ gián đoạn eo biển Hormuz tác động trực tiếp đến nguồn cung năng lượng toàn cầu. Giá dầu, khí tăng mạnh và duy trì ở mức cao làm gia tăng rủi ro đình lạm (tăng trưởng thấp, lạm phát cao) và bất ổn trên thị trường tài chính toàn cầu (dự địa nói lỏng tiền tệ của các NHTW thu hẹp; điều kiện tài chính thắt chặt hơn; rủi ro nợ công, nợ tư nhân tăng; USD mạnh lên do lãi suất USD giảm chậm và nhu cầu trú ẩn; gia tăng biến động trên thị trường chứng khoán; giá vàng tăng). Rủi ro an ninh lương thực tăng lên khi giá phân bón tăng (theo giá khí thiên nhiên), trong khi rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan vẫn hiện hữu.

Với kịch bản mức thuế quan bình quân năm 2026 của Mỹ giảm, các sắc thuế mới ban hành không gây thêm thách thức cho các đối tác thương mại và chiến sự tại Trung Đông không kéo dài, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo đạt 2,4-2,8%; lạm phát CPI toàn cầu đạt 3,7-3,8%; thương mại toàn cầu gián đoạn ngắn hạn. Nếu bối cảnh quốc tế tiêu cực hơn, chiến sự kéo dài, thuế quan được chính quyền Mỹ vận dụng quyết liệt đối với các đối tác thì tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo giảm sâu xuống còn 2-2,5%, lạm phát CPI toàn cầu tăng mạnh lên 4-4,5%; thương mại, đầu tư quốc tế đình trệ.

KINH TẾ VIỆT NAM

Tăng trưởng phía cung và các động lực từ phía cầu cơ bản tích cực hơn so với tháng 1/2026 và cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, vốn FDI đăng ký mới thận trọng hơn trước các rủi ro từ bên ngoài (đặc biệt là chính sách thuế quan của Mỹ và chiến sự tại Trung Đông). Cụ thể:

 **Chỉ số sản xuất công nghiệp** 2T/2026 tăng 10,36% yoy, mức cao nhất trong vòng 5 năm nhờ sự tăng trưởng cao của lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (+11,48% yoy). Chỉ số PMI ngành sản xuất tháng 2 đạt 54,3 điểm, ở mức mở rộng 8 tháng liên tiếp nhờ sản lượng và đơn hàng mới tăng cao giúp niềm tin kinh doanh đạt mức cao nhất trong 41 tháng.

 **Đầu tư công** ước đạt 83,5 nghìn tỷ đồng (+11,5% yoy), cao nhất so với cùng kỳ trong vòng 7 năm; **giải ngân FDI** đạt 3,21 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ, là mức giải ngân cao nhất so với cùng kỳ trong vòng 9 năm. Công nghiệp, chế biến chế tạo dẫn đầu với mức giải ngân 2,65 tỷ USD (chiếm 82,7% tổng vốn FDI giải ngân) tập trung vào công nghiệp công nghệ cao, AI, bán dẫn, dữ liệu và năng lượng tái tạo...v.v. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư chưa thực sự bứt phá khi giải ngân đầu tư công chỉ tăng 11,5%, thấp hơn so với cùng kỳ 2T/2025 (+24,5% yoy); vốn FDI bổ sung giảm 52,3% yoy và tổng vốn FDI đăng ký giảm 12,6% yoy do tâm lý đầu tư thận trọng hơn trước diễn biến bất định, khó lường trên thế giới.

 **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ** 2T/2026 tăng 7,9% yoy nhờ doanh thu du lịch tăng 12,2% yoy và khách du lịch quốc tế 2T/2026 đạt 4,7 triệu lượt người, tăng 18,1% yoy. Tuy nhiên, mức tăng này thấp hơn cùng kỳ giai đoạn 2023-2025 (8,1%-13%) và nếu loại trừ yếu tố giá thì chỉ tương đương 2/3 mức tăng của cùng kỳ năm 2025, cho thấy hoạt động tiêu dùng chậm lại dù rơi vào đợt cao điểm mua sắm dịp Tết Nguyên Đán.

 **Cán cân thương mại** hàng hóa thâm hụt 3 tỷ USD chủ yếu do xuất khẩu (+18,3% YoY) tăng chậm hơn nhập khẩu (+26,3% YoY); trong đó nhóm điện tử, máy tính và linh kiện tăng mạnh 40,9%, điện thoại các loại và linh kiện tăng 21% YoY. Động lực tăng trưởng xuất nhập khẩu đến từ sự mở rộng hoạt động của khối doanh nghiệp FDI trong khi khối doanh nghiệp trong nước vẫn suy giảm. Hoạt động xuất khẩu gặp nhiều rủi ro, thách thức do nhu cầu tiêu dùng hàng hóa tại các thị trường lớn giảm khi áp lực lạm phát còn dai dẳng, chính sách thuế quan khó lường, nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng nếu rủi ro chiến tranh kéo dài.

KINH TẾ VIỆT NAM

Tháng 2/2026, **tỷ giá USD/VND** liên ngân hàng giảm 0,9% so với cuối năm 2025 nhờ: (i) đồng USD giảm giá trên thị trường quốc tế (chỉ số DXY giảm 0,72%); (ii) kiều hối về Việt Nam tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán trong khi nhu cầu USD trên thị trường thấp; (iii) chênh lệch lãi suất VND-USD dương khi lãi suất ngắn hạn VND tăng. Tỷ giá USD/VND năm 2026 dự báo tăng khoảng 1,5-2,5% song chịu nhiều sức ép nếu Fed không hạ lãi suất điều hành như kỳ vọng bởi áp lực lạm phát; xu hướng dòng tiền quay trở lại Mỹ nếu chiến sự Iran rộng, sức mạnh đồng USD được củng cố (từ khi bắt đầu chiến sự tại Iran, chỉ số DXY đã tăng 1,5 %). Tuy nhiên, một số yếu tố tích cực giúp giảm áp lực tỷ giá là: (i) Lãi suất VND trong nước dự báo tăng trong năm 2026, làm tăng chênh lệch lãi suất VND-USD; (ii) Thị trường vàng được quản lý hiệu quả, minh bạch, giảm chênh lệch giá vàng trong nước và giá vàng quốc tế.

Lạm phát trong tầm kiểm soát khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2/2026 tăng 3,35% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 2 đạt 3,47%, cao hơn lạm phát chung và cao hơn lạm phát cơ bản tháng 1 (2,97%), chủ yếu phản ánh yếu tố mùa vụ. Mặc dù chịu áp lực từ giá năng lượng thế giới do chiến sự tại Trung Đông, giá tiêu dùng trong nước được kỳ vọng tiếp tục ổn định nhờ sự phối hợp hiệu quả các chính sách, đảm bảo nguồn cung xăng dầu và hàng hóa thiết yếu, giúp giảm thiểu tác động của tăng giá dầu ngắn hạn đến mặt bằng giá chung, tạo dư địa ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng cao ngay trong Q1/2026.

Tín dụng dự báo tăng tích cực, song áp lực lãi suất gia tăng: Tín dụng đến ngày 26/2 đạt 18,86 triệu tỷ đồng, tăng 1,4% so với cuối năm 2025, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ kể từ năm 2023 phản ánh nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh tăng tích cực ngay từ giai đoạn đầu năm. Lãi suất chịu áp lực tăng nhất là khi chênh lệch tăng trưởng tín dụng - huy động vốn vẫn ở mức cao, các tài sản trú ẩn như vàng, USD trở nên hấp dẫn hơn trong bối cảnh rủi ro bất định gia tăng. Dự báo mặt bằng lãi suất huy động và cho vay có thể chỉ tăng nhẹ khoảng 0,5 điểm % so với năm 2025 nhờ các giải pháp hỗ trợ thanh khoản linh hoạt và kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực rủi ro, tăng khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp và nền kinh tế.

KINH TẾ VIỆT NAM

 **Thu ngân sách 2T/2026** ước đạt 601,3 nghìn tỷ đồng (+13,1% yoy) nhờ đà tăng trưởng tích cực của xuất khẩu, sản xuất công nghiệp và mở rộng cơ sở thuế, trong khi vẫn duy trì hỗ trợ miễn giảm, gia hạn thuế, phí (khoảng 30,2 nghìn tỷ đồng trong 2T/2026). Chi ngân sách ước đạt 311,0 nghìn tỷ đồng (+11,0% yoy), thặng dư ngân sách đạt hơn 290 nghìn tỷ. Tuy nhiên, cơ cấu thu chưa bền vững và còn biến động khi nhiều địa phương có tỷ lệ thu từ đất ở mức cao (20-25%), thu từ xuất nhập khẩu chỉ tăng nhẹ 1,2% yoy; thu từ dầu thô giảm mạnh 42,2%; chi đầu tư phát triển giảm 5,2% khi giải ngân đầu tư công tăng thấp hơn so với cùng kỳ và chưa đồng đều; mục tiêu giải ngân 1 triệu tỷ đồng năm 2026 rất thách thức.

 **Thay đổi chính sách thuế quan và chiến sự tại Iran gia tăng thách thức với mục tiêu tăng trưởng 10% của Việt Nam:** Chính sách thuế quan mới của Mỹ làm gia tăng rủi ro cho các ngành xuất khẩu chủ lực (dệt may, da giày, gỗ, điện tử...) không chỉ ở thuế suất, mà còn ở yêu cầu truy xuất nguồn gốc, chống lẩn tránh và chi phí tuân thủ, khiến đơn hàng dễ chậm lại và biên lợi nhuận bị bào mòn. Cùng với đó, chiến sự tại Trung Đông làm giá năng lượng và chi phí vận tải/bảo hiểm tăng, gây áp lực lên chi phí sản xuất và giá tiêu dùng, nhất là trong kịch bản giá dầu neo cao kéo dài. Kịch bản cơ sở cho thấy tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 có thể giảm ở mức vừa phải, nhưng nếu bất định thuế quan kéo dài đồng thời với cú sốc năng lượng, rủi ro giảm tốc sẽ rõ nét hơn: sức ép cán cân thương mại gia tăng khi chi phí nhập khẩu tăng trong khi xuất khẩu chậm lại; FDI đăng ký mới sẽ thận trọng hơn với bất định kép (thuế quan + địa chính trị); tỷ giá USD/VND chịu sức ép tăng; thị trường chứng khoán trong nước dự báo sẽ biến động mạnh hơn khi tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng; mức độ tác động tới lợi nhuận của các doanh nghiệp có sự phân hóa, nhóm dầu khí, hóa chất, tiện ích, sản xuất điện nước có thể hưởng lợi tương đối, còn nhóm tiêu dùng, vận tải, hàng không, và doanh nghiệp sử dụng nhiều nguyên liệu nhập khẩu, doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính cao sẽ chịu áp lực...

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo là sản phẩm do Nhóm chuyên gia, nghiên cứu viên của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thực hiện. Các kết quả, giải thích và nhận định trong báo cáo không phản ánh quan điểm chính thức của BIDV.

BIDV không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc tính thời sự của dữ liệu được sử dụng trong báo cáo, không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tính thiếu nhất quán trong thông tin, dữ liệu, cũng như không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng thông tin, dữ liệu, phương pháp hoặc kết luận đưa ra trong báo cáo.

Không có nội dung nào trong báo cáo này được hiểu hoặc được coi là hạn chế hay từ bỏ các đặc quyền và miễn trừ của BIDV.

QUYỀN VÀ SỰ CHO PHÉP

Nội dung trong Báo cáo đều tuân theo quyền bản quyền. Nhằm mục đích khuyến khích việc phổ biến các kiến thức liên quan đến lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, BIDV cho phép báo cáo này có thể được sao chép, toàn bộ hoặc một phần, cho mục đích phi thương mại. Tuy nhiên, mọi sao chép, trích dẫn từ Báo cáo cần được nêu đầy đủ nguồn gốc.

ĐẠI DIỆN NHÓM TÁC GIẢ

TS. Cán Văn Lực

Chuyên gia Kinh tế trưởng BIDV
luccv@bidv.com.vn

Nguyễn Thị Minh Thu

Viện Trưởng Viện NCKT
thunm@bidv.com.vn

Phạm Thị Hạnh

Phó Viện Trưởng Viện NCKT
hanh.pt@bidv.com.vn

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Viện nghiên cứu Kinh tế BIDV

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

773 Hồng Hà, Phường Hồng Hà, TP. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 0240.932.0933

Email: viennckt@bidv.com.vn